

KINH TẾ EU NĂM 2004, TRIỂN VỌNG 2005 VÀ QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - EU

TS. ĐINH CÔNG TUẤN

Viện Nghiên cứu Châu Âu

1. Tổng quan kinh tế Liên minh Châu Âu năm 2004 và triển vọng năm 2005

Năm 2004, Liên minh Châu Âu (EU) đã trở thành khu vực kinh tế lớn thứ 2 thế giới (sau Mỹ) với 25 thành viên (EU 25) sau khi đã kết nạp thêm 10 thành viên mới từ ngày 1/5/2004 (gồm Síp, Cộng hoà Séc, Estonia, Hungary, Latvia, Litva, Malta, Ba Lan, Slovakia và Slovenia). Với thị trường tiêu dùng trên 455 triệu người, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) lên tới khoảng 10 nghìn tỷ Euro, hàng năm EU 25 chiếm 20% thị phần thương mại thế giới và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Theo số liệu thống kê của IMF, khối kinh tế này thu hút trên 53% hàng nhập khẩu của thế giới, trong đó có 72,5% là hàng nông sản xuất khẩu của các nước đang phát triển như Việt Nam. Việc EU mở rộng đã làm thay đổi quan hệ kinh tế - thương mại của khối kinh tế khổng lồ này với thế giới và nhất là các nước đang phát triển. Các ngành công nghiệp bị lôi kéo chuyển hoạt động sản xuất sang các nước thành viên mới ở Đông và Trung Âu kém phát triển hơn để hưởng lợi từ giá nhân công rẻ. Estonia với mức thuế thấp đã trở thành quốc gia cạnh tranh thực sự với Phần Lan, nước láng giềng có mức thuế cao. Các nước thành viên mới do cơ sở hạ tầng

yếu kém là trở ngại lớn cho quá trình hoà nhập với các nước thành viên cũ. Ngược lại các nước thành viên cũ lại phải đối phó với khó khăn về lao động và tiền lương cao của họ. Đó là chưa tính đến khó khăn chung của cả Khối khi đồng Euro tăng giá mạnh so với đồng đôla, nhất là những tháng cuối năm 2004, khiến hàng hoá của Mỹ rẻ, là đối thủ cạnh tranh gay gắt với các nước EU, nhất là 12 quốc gia sử dụng đồng Euro. Trong bối cảnh đó, sự phụ thuộc của kinh tế EU 25 vào kinh tế thế giới và khu vực trong năm 2004 lớn hơn các năm trước là tất yếu.

Đặc điểm lớn nhất của kinh tế thế giới năm 2004 là điểm tăng trưởng nhiều lên và diện tăng trưởng mở rộng nên tác động mạnh đến tốc độ tăng trưởng kinh tế-thương mại của EU. Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), mức tăng trưởng GDP của thế giới năm 2004 là trên 4%, trong đó các nước phát triển tăng 3,6% và các nước đang phát triển tăng 6,6%, là mức cao nhất trong vòng 30 năm qua. Nền kinh tế các nước phát triển, bao gồm EU, Mỹ và Nhật Bản, phục hồi đồng bộ. Theo thống kê của IMF, tốc độ tăng trưởng GDP của 3 nước: Mỹ, Nhật và Anh năm 2004 lần lượt là 3,0%; 2,5% và 3,0%. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng của EU là 1,8%. Theo thống kê

của OECD, mức dự đoán đầu năm, tốc độ tăng trưởng kinh tế EU năm 2004 là 2,2% khi giá dầu thô 37,25 USD/thùng, nhưng giữa năm đã vượt 40 USD/thùng nên tốc độ tăng trưởng đã chậm lại với mức 1,8%. Trong khi đó khu vực đồng Euro năm 2004 đã có chuyển biến tốt so với năm 2003 nhưng cũng chỉ đạt mức 0,5%, trong đó tốc độ tăng trưởng kinh tế Đức là - 0,1% so với năm 2003. Năm 2004, mức tăng trưởng kinh tế khu vực đồng Euro còn yếu nhưng dấu hiệu hồi phục đã rõ ràng hơn các năm trước. Khu vực ngoài đồng Euro có mức tăng trưởng cao hơn, trong đó đáng chú ý là Anh, tăng 3,0%, Ba Lan tăng 5,0%. Xu hướng tăng trưởng kinh tế các nước phát triển 2 quý đầu năm cao hơn hai quý cuối năm mà nguyên nhân chủ yếu là do giá dầu tăng, đầu tư lớn và sức mua của dân cư giảm. Điều này đã tác động trực tiếp đến quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của EU, nhất là các nước sử dụng đồng Euro.

Đối với các nước đang phát triển, việc EU mở rộng đã tác động tích cực về quan hệ kinh tế - thương mại. Nhu cầu hàng hoá của EU mở rộng tăng 20% so với năm 2003 và nguồn cung chủ yếu là các nước đang phát triển. Việc hoà nhập các tiêu chuẩn chung trên khắp châu Âu mới trong khuôn khổ EU, nhất là việc giảm thuế nhập khẩu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, việc áp dụng những quy định chung về cạnh tranh, thuế quan, đã tạo điều kiện cho hàng hoá các nước đang phát triển vào thị trường EU thuận lợi hơn. EU mới sẽ công bằng hơn với các nước đang phát triển vì 10 nước thành viên mới giờ đây

cũng được áp dụng các quyền lợi ưu tiên của EU, trong đó có hiệp định cho phép các nước nghèo nhất thế giới thâm nhập vào thị trường EU miễn thuế và miễn hạn ngạch “tất cả các mặt hàng trừ vũ khí” và trên tất cả là “Hệ thống Ưu tiên chung” vốn đang ưu đãi các nước đang phát triển. Cụ thể, thuế quan đánh vào các mặt hàng công nghiệp chế tạo được giảm từ 9,0% xuống 4,0%; các sản phẩm thép giảm từ 10,3% xuống tối đa 1,7%. Các nhà kinh tế thế giới đều nhận định: Một thị trường chung châu Âu mở rộng đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng quan hệ kinh tế - thương mại giữa các nước đang phát triển với EU trong năm 2004.

Triển vọng năm 2005: Kinh tế EU tiếp tục phát triển và tăng trưởng khá nhưng tốc độ sẽ chậm lại so với năm 2004. Cơ sở của nhận định này là kinh tế EU phụ thuộc rất lớn vào kinh tế thế giới, nhưng năm 2005, theo WB và IMF, kinh tế thế giới sẽ tăng trưởng chậm lại. Dự báo tốc độ tăng GDP của toàn cầu năm 2005 chỉ đạt khoảng 3,2% so với 4,0% của năm 2004. Nguyên nhân chủ yếu là giá dầu cao và còn biến động phức tạp nên thu nhập giảm, trong khi đó lãi suất tăng, đầu tư giảm và sự quan ngại về thâm hụt buôn bán và thanh toán vãng lai của Mỹ tăng nhanh. Trong năm 2004, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đã 5 lần tăng lãi suất theo OECD, thâm hụt trong cán cân thanh toán vãng lai của Mỹ từ 5,7% GDP năm 2004 sẽ tăng lên 6,2% năm 2005 và tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế của nước này. Giám đốc Ngân hàng Nhật Bản (Boj) Toshihiko Fukui nhận định: Kinh tế toàn cầu đang chững lại,

nhưng có thể sẽ tiếp tục phát triển trên cơ sở kinh tế Mỹ và Trung Quốc phục hồi. Tuy nhiên, OECD lại nhận định: Năm 2005, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ còn 2,8% so với dự báo 3,4% hồi tháng 5/2004. Nguyên nhân, theo tổ chức này, là do giá dầu tăng đã và sẽ gây thiệt hại cho các nước kinh tế phát triển như EU, Mỹ và Nhật Bản. Theo đó năm 2005 kinh tế Mỹ chỉ tăng trưởng 3,3% so với 3,7% như dự báo trước đó, tương tự Nhật bản là 2,2% và 2,8%. Trái lại, số liệu của Chính phủ Nhật Bản cho thấy dường như đang hướng tới kỳ suy thoái mới. Sau hơn 1 thập kỷ suy thoái, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới này đang phục hồi khiêm tốn. Nhưng tình hình cho thấy nhiều điều lo ngại khi tình trạng xuất khẩu giảm sẽ khiến cho kinh tế tăng trưởng chậm lại. Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), do xuất khẩu tăng ở mức khiêm tốn và tiêu thụ phục hồi từ từ, kinh tế Nhật Bản sẽ tăng trưởng ở mức ổn định từ 1,6% đến 2,0% trong năm 2005. Còn WB dự báo, kinh tế Nhật Bản sẽ tăng 1,8% trong năm 2005. Tuy nhiên, kinh tế Nhật vẫn còn nhiều cạm bẫy: giá dầu tăng cao, đồng đôla Mỹ rớt giá sẽ gây phương hại đến lĩnh vực xuất khẩu của nước này. Sự giảm sút của nền kinh tế Nhật Bản sẽ tác động trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và của EU trong năm 2005 vì Nhật Bản là quốc gia cung cấp nguồn vốn ODA lớn nhất và cũng là thị trường có nhiều tiềm năng nhất của thế giới, nhất là đối với các nước đang phát triển.

Các nước đang phát triển bước sang năm 2005 với nhiều khó khăn và thách thức lớn. Ngoài các yếu tố khó khăn chung của nền

kinh tế các nước phát triển, kinh tế các nước đang phát triển có thêm nhiều khó khăn mới. Thảm họa động đất và sóng thần cuối năm 2004 đã gây thiệt hại nặng nề về kinh tế và cơ sở hạ tầng của các nước châu Á và Đông Nam Á mà hậu quả để lại không thể khắc phục trong năm 2005. Thêm vào đó, tình trạng tăng trưởng chậm của nền kinh tế của các nước phát triển sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế các nước nghèo cả về nguồn vốn viện trợ, đầu tư và thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá, sử dụng nguồn lao động dư thừa. Vì vậy các nhà kinh tế thế giới đều có đánh giá gần thống nhất là: Năm 2005 tốc độ tăng trưởng kinh tế các nước này sẽ chậm lại. WB đánh giá, tốc độ tăng GDP của các nước đang phát triển chỉ khoảng 5,4% so với năm 2004. Xu hướng này chắc chắn sẽ tác động đến quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và EU.

Năm 2005, năm đầu tiên 10 nước thành viên của EU thực hiện hội nhập đầy đủ trong khuôn khổ một nền kinh tế EU thống nhất. Tuy nhiên, 2005 lại là năm tốc độ tăng trưởng EU có xu hướng chậm lại. Điều đó không chỉ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của 10 nước thành viên mới mà còn đối với cả 15 nước thành viên cũ và quan hệ kinh tế - thương mại của EU 25 với các khu vực và quốc gia khác, trong đó có Việt Nam.

2. Quan hệ kinh tế Việt Nam - EU

Năm 2004 quan hệ kinh tế Việt Nam - EU tiếp tục phát triển cả bề rộng và chiều sâu. Tổng kim ngạch buôn bán 2 chiều đạt gần 11 tỷ USD, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang EU trên 4,5 tỷ EU và nhập khẩu

gần 6,5 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu tăng nhanh, từ 2,8 tỷ USD năm 2000 lên 3,86 tỷ USD năm 2003 và trên 4,5 tỷ USD năm 2004. Cơ cấu hàng nhập khẩu có chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các hàng công nghiệp, giảm tỷ trọng các hàng nông sản. Đặc biệt các mặt hàng thuỷ sản nhập khẩu của EU từ Việt Nam đã có sự chuyển biến tích cực cả về lượng và chất. Số doanh nghiệp thuỷ sản đủ tiêu chuẩn nhập khẩu vào thị trường EU tăng từ 36 doanh nghiệp những năm trước đây lên trên 70 doanh nghiệp năm 2004. Mặt hàng xuất khẩu đa dạng hơn, từ tôm đông lạnh, cá ba sa, những năm gần đây đã tăng các mặt hàng thuỷ sản chế biến có chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của EU. Kim ngạch xuất khẩu thuỷ sản Việt Nam vào thị trường EU tuy không lớn: năm 2003 chỉ có 70 triệu USD, chiếm khoảng 3% thị phần và năm 2004 có tăng cao cũng chỉ đạt hơn 100 triệu USD dù cho số thành viên EU đã tăng lên 25 nước. Tuy kim ngạch chưa tương xứng với tiềm năng của cả hai phía, nhưng việc tăng lượng thuỷ sản xuất khẩu vào thị trường EU năm 2004 đã đánh dấu bước phát triển về chất của thuỷ sản Việt Nam. EU là thị trường khó tính, yêu cầu chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm rất cao. Nếu đảm bảo được yêu cầu chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm vào thị trường EU thì sản phẩm mặc nhiên đạt chứng chỉ quốc tế, dễ dàng nhập khẩu và các thị trường khó tính khác. Từ ngày 20/09/2002, EU đã ra thông báo ngừng chế độ kiểm tra 100% về dư lượng kháng sinh đối với hàng thuỷ sản Việt Nam, tạo

điều kiện cho việc mở rộng thị trường vào các nước thành viên mới của EU. Ngoài mặt hàng thuỷ sản, năm 2004 đã đánh dấu bước phát triển mới về xuất khẩu các mặt hàng khác của Việt Nam vào thị trường EU như hàng dệt may, da giày, đồ gỗ, thủ công mỹ nghệ.. Riêng hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường EU vừa đạt tốc độ cao, vừa chiếm tỷ trọng lớn, năm 2004 chiếm khoảng 25% kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may cả nước. Các nước có quan hệ buôn bán với Việt Nam là Đức, Pháp, Anh. Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá Việt Nam của Đức từ 730 triệu USD năm 2000 lên 855 triệu USD năm 2003 và ước gần 1 tỷ USD năm 2004. Tương tự như vậy của Pháp từ 380 triệu USD lên 500 triệu USD và 700 triệu USD, của Anh từ 479 triệu USD lên 755 triệu USD và 900 triệu USD. Một số nước khác tuy kim ngạch không lớn nhưng tốc độ tăng khá nhanh, trong đó đáng chú ý là Hà Lan từ 392 triệu USD năm 2000 tăng lên 493 triệu USD năm 2003 và trên 600 triệu USD năm 2004; Italia từ 218 triệu USD lên 331 triệu USD và gần 500 triệu USD trong 3 năm tương ứng. Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá Việt Nam của các nước thành viên mới của EU nói chung còn rất khiêm tốn, dưới 100 triệu USD năm 2004, trong đó có một số nước rất thấp như CH Séc, Slovakia, Hungary, Latvia, Litva... mặc dù các nước này đã có quan hệ thương mại truyền thống nhiều năm trước đây.

Về kim ngạch nhập khẩu, Việt Nam nhập khẩu từ EU các hàng hoá là tư liệu sản xuất như sắt thép, sợi, bông, phụ liệu dệt may, phân hoá học, hoá chất, chất dẻo, bột

mỳ, sữa bột. Năm 2004, do ảnh hưởng của thị trường thế giới nên giá các mặt hàng là tư liệu sản xuất và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến nhập khẩu từ thị trường EU đều tăng. Tuy vậy lượng hàng hoá Việt Nam nhập khẩu từ thị trường này vẫn tăng so với năm 2003. Kim ngạch nhập khẩu sắt thép tăng 10,5% về lượng nhưng tăng 51% về kim ngạch, chất dẻo tăng 15% và 56%, nguyên phụ liệu dệt may, da đạt trên 2,2 tỷ USD và tăng 8,9%, lúa mỳ tăng 30%, dầu mỡ động thực vật tăng 40%, sản phẩm hoá chất tăng 21,%, máy móc thiết bị, dụng cụ và phụ tùng đạt trên 5 tỷ USD. Hàng hoá nhập khẩu từ EU chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam không chỉ hàng hoá là tư liệu sản xuất mà cả một số mặt hàng là tư liệu tiêu dùng như thuốc chữa bệnh, sữa bột.

Xét trên cả 2 mặt xuất khẩu và nhập khẩu, năm 2004 được đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ thương mại Việt Nam - EU. Tốc độ tăng trưởng cao, số lượng, chất lượng và cơ cấu mặt hàng đều có chuyển biến theo hướng tích cực và khá toàn diện phù hợp với khả năng của mỗi bên. Điều đặc biệt là năm 2004 Việt Nam và EU đã tạo lập mối quan hệ kinh tế theo hướng ổn định lâu dài và độ tin cậy cao trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Tuy nhiên những kết quả đạt được về quan hệ thương mại trong năm 2004 vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại.

Trong lĩnh vực đầu tư, năm 2004 cũng đã đánh dấu bước phát triển mới giữa Việt Nam và EU. Các nước và vùng lãnh thổ

thuộc EU có nhiều dự án và vốn đầu tư trực tiếp tại Việt Nam trong năm 2004 là: Vương quốc Anh, và quần đảo Virginia 26 dự án và 180 triệu USD, CHLB Đức 5 dự án và 5,56 triệu USD, Đan Mạch 5 dự án và 16,5 triệu USD, Hà Lan 4 dự án và 48,2 triệu USD, Pháp 9 dự án và 6,8 triệu USD.. Các dự án đầu tư của EU vào Việt Nam chủ yếu tập trung vào công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, du lịch, nông nghiệp.. Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực châu Á và Đông Nam Á thì số dự án và vốn EU đầu tư trực tiếp vào Việt Nam năm 2004 cũng như các năm trước còn rất khiêm tốn. Vốn bình quân 1 dự án còn thấp.

Tính từ năm 1988 đến năm 2004, các nước EU đã đầu tư trực tiếp vào Việt Nam khoảng 11 tỷ USD. Các quốc gia đầu tư nhiều vào Việt Nam trong thời kỳ này là: Anh và quần đảo Virginia thuộc Anh trên 3,5 tỷ USD, Pháp trên 2,5 tỷ USD, Hà Lan trên 2 tỷ USD.

Hoạt động du lịch tuy chưa sôi động nhưng năm 2004 cũng có tiến bộ so với các năm trước. Lượng khách từ các nước thuộc EU đến Việt Nam năm 2004 đạt trên 250 nghìn người, trong đó đông nhất là Pháp 95 nghìn người, Đức 2 nghìn người, Anh 65 nghìn người, còn các nước khác chỉ đạt trên dưới 10 nghìn người. Tốc độ tăng trưởng khách du lịch từ EU đến Việt Nam trong năm 2004 đạt trên 25%. Tuy nhiên tổng lượng khách từ EU chỉ bằng lượng khách du lịch đến từ Nhật Bản trong năm 2004. Điều đó cho thấy kết quả đạt được về quan hệ du lịch

giữa Việt Nam và EU còn rất khiêm tốn dù tiềm năng rất lớn.

Bên cạnh những kết quả và tiến bộ đạt được trong năm 2004, quan hệ kinh tế - thương mại EU - Việt Nam cũng còn nhiều hạn chế và thách thức. Tổng mức buôn bán hai chiều còn thấp và không đều giữa các nước thành viên EU. Bên cạnh các nước thành viên cũ có quan hệ thương mại lớn như Pháp, Đức, Anh, Hà Lan.. vẫn còn gần 20 nước khác chỉ đạt mức thấp và rất thấp so với tiềm năng. Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang 25 nước thành viên EU trong năm 2004 còn thấp hơn kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ. Trong quan hệ buôn bán 2 chiều, tình trạng nhập siêu của Việt Nam còn quá lớn và chưa có dấu hiệu giảm: năm 2003 Việt Nam nhập khẩu trên 5 tỷ USD và năm 2004 trên 6,5 tỷ USD.

Về đầu tư: EU chưa phải là nhà đầu tư lớn vào Việt Nam. Con số hơn 11 tỷ USD của EU đầu tư vào Việt Nam trong 16 năm qua chỉ chiếm 20% tổng kim ngạch nguồn vốn FDI của các nước là rất ít và chỉ bằng vốn đầu tư của Hàn Quốc và Đài Loan cộng lại trong thời gian đó. Vốn đầu tư ít, lại chủ yếu là các dự án nhỏ, không có các dự án lớn nên vai trò của EU trong đầu tư nước ngoài tại Việt Nam còn rất mờ nhạt. Tác động của nguồn vốn FDI của EU vào những thành tựu kinh tế Việt Nam không có những nét nổi bật như Hàn Quốc, Đài Loan và Nhật Bản. Nếu so với tiềm năng của cả 2 phía thì kết quả đạt được trong lĩnh vực đầu tư còn rất xa nhưng năm 2004 vẫn chưa có dấu hiệu rút ngắn.

Tình hình này khác hẳn quan hệ giữa EU với các nước ASEAN. Thí dụ: EU là một trong những đối tác đầu tư lớn nhất vào Indônêxia, Thái Lan, Malaysia, Singapore.. nhưng ở Việt Nam thì chưa phải, thậm chí còn thuộc loại yếu nhất tính đến thời điểm này. Vì sao vậy? Câu hỏi này xin dành cho quan chức đầu tư của hai phía trả lời.

Về du lịch lại càng hạn chế. Số khách du lịch thuộc các nước EU đến Việt Nam trong các năm qua chưa đến con số 300 nghìn người, thời gian lưu trú lại ngắn. Nếu so với các nước trong khu vực thì lượng khách EU đến Việt Nam chỉ bằng khoảng 4,% so với Thái Lan, 5,% so với Malaysia, 3,% so với Singapore.. Trong khi đó Việt Nam không kém các nước này về các yếu tố thu hút khách du lịch EU, trong khi đó tình hình chính trị - xã hội ổn định, an ninh tốt, danh lam thắng cảnh không thiếu, sản phẩm du lịch phong phú và chất lượng phục vụ ngày càng hoàn thiện.

Những tồn tại và hạn chế tuy còn nhiều, song điều đáng mừng là trong năm 2004 các nước thành viên cũ và mới của EU cũng như Việt Nam đã nhận thấy và bước đầu có những giải pháp khắc phục ở cấp Chính phủ. Hội nghị cấp cao ASEM 5 tại Hà Nội và các cuộc thăm viếng lẫn nhau của các nguyên thủ quốc gia, lãnh đạo các bộ ngành diễn ra tấp nập, theo đó nhiều hiệp định kinh tế, thương mại, đầu tư, viện trợ.. đã được ký kết. Các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, quảng bá du lịch.. đã được triển khai trong năm 2004, đang mở ra triển vọng mở

rộng quan hệ kinh tế - thương mại Việt Nam EU trong năm 2005.

Triển vọng năm 2005:

Về kim ngạch buôn bán 2 chiều: Dự báo tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu EU - Việt Nam năm 2005 sẽ đạt khoảng 14 tỷ USD, tăng 27% so với năm 2004. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU dự báo sẽ đạt khoảng trên 6 tỷ USD, tăng khoảng 33% so năm 2004. Các mặt hàng có khả năng tăng nhanh là: dệt may, thủy sản, đồ gỗ, nông sản.. Cơ sở của dự báo này là: Từ 1/1/2005, EU đã bỏ hạn ngạch hàng dệt may đối với Việt Nam. Với quyết định này, hàng dệt may của Việt Nam được hưởng các ưu đãi về thuế quan như các quốc gia thành viên WTO. Đó là điều kiện thuận lợi để tăng nhanh hàng dệt may vào thị trường EU vì không còn sự hạn chế về hạn ngạch. Tuy nhiên, vấn đề cạnh tranh về chất lượng và giá cả của hàng dệt may lại khắt khe hơn, nhất là phải cạnh tranh với hàng dệt may Trung Quốc với nhiều lợi thế. Đối với mặt hàng thủy sản, năm 2005 sẽ có nhiều triển vọng do những năm qua, nhất là năm 2004, EU đã công nhận trên 70 doanh nghiệp thủy sản Việt Nam đạt tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh thực phẩm nhập khẩu vào thị trường EU. Trong khi đó nguồn hàng thủy sản như tôm, cá ba sa và các thủy sản chế biến khác quen thuộc với thị trường EU không ngừng tăng lên cả về sản lượng, chất lượng và độ sạch. Những doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản đã có nhiều tiến bộ. Những hạn chế trong sản xuất, chế biến và xuất khẩu thủy sản đã được khắc phục

nên chất lượng thủy sản xuất khẩu đã được nâng lên. Các mặt hàng xuất khẩu khác như đồ gỗ, nông sản, thủ công mỹ nghệ.. cũng có triển vọng tăng khá, nhất là vào thị trường 10 nước thành viên mới của EU.

Về nhập khẩu: Tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2005 từ thị trường EU dự báo đạt trên 8 tỷ USD, tăng khoảng 23% so năm 2004. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu vẫn là máy móc, thiết bị, phụ tùng, chất dẻo, sắt thép, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến tiếp tục tăng do yêu cầu công nghiệp hóa. Giá cả các hàng hoá nhập khẩu từ EU dự báo vẫn đứng ở mức cao như năm 2004. Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu cao hơn xuất khẩu nên nhập siêu từ EU vẫn tăng so với năm 2004.

Hoạt động đầu tư có triển vọng tăng khoảng 20% vốn đăng ký so với 2004, tuy nhiên chưa có khả năng tăng các dự án lớn. Hoạt động du lịch có triển vọng tăng khá. Dự báo số lượng khách du lịch EU đến Việt Nam tăng khoảng 30% so với năm 2004.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo năm 2004 của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.
2. Niên giám thống kê các năm 2002, 2003.
3. Bản tin Kinh tế thế giới của TTXVN năm 2004.
4. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu năm 2003, 2004.
5. Thời báo Kinh tế Việt Nam năm 2004.
6. Báo Đầu tư năm 2004.